Ngày 10/09/2026

TOÀN CẢNH THỊ TRƯỜNG

CUỐI NGÀY

TOÀN CẢNH THỊ TRƯỜNG

Tổng quan thị trường

1829.23 2.11 0.12%

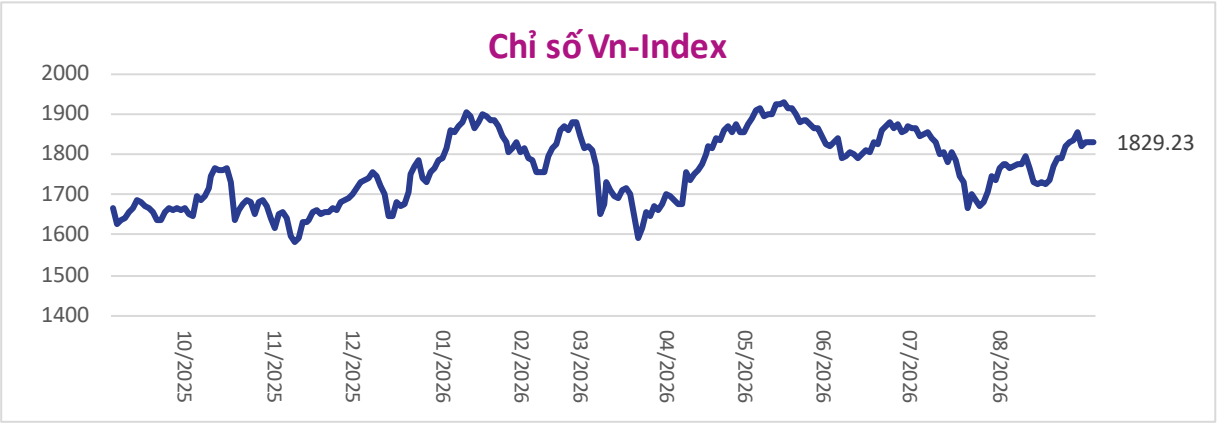

Kết thúc phiên giao dịch ngày 10/09/2026, chỉ số Vn-Index đóng cửa ở mức 1829,23 điểm. So với phiên giao dịch ngày hôm trước, Vn-Index tăng 2,11 điểm, và đang vận động trên đường trung bình 10 ngày. Thanh khoản của thị trường cao hơn so với phiên giao dịch trước, tuy nhiên khối lượng giao dịch vẫn thấp hơn so với trung bình 20 ngày gần đây. Trong số các mã cổ phiếu trụ có vốn hoá lớn nhất trong Vn-Index, một số mã cổ phiếu đang có mức tăng giá mạnh là: VHM(+1,4%), FPT(+2,9%), trong khi đó mã cổ phiếu đang có mức giảm giá mạnh là: GAS(-1,3%). Diễn biến của các chỉ báo dòng tiền cho thấy: Cả hai chỉ báo dòng tiền AccDist và OBV tiếp tục trong xu hướng tăng.

Trong tháng 8/2026, khối ngoại tiếp tục đà bán ròng cổ phiếu với tổng giá trị là -1.601 tỷ đồng. Và trong những ngày đầu tháng tháng 9/2026, khối ngoại tiếp tục bán ròng -2.217 tỷ đồng. Luỹ kế từ đầu năm 2026 đến nay, khối ngoại đã bán ròng với tổng giá trị là -96.041 tỷ đồng.Trong phiên giao dịch ngày 10/09, khối ngoại đã chuyển sang mua ròng 355 tỷ đồng.

Trên thị trường mở hôm nay, NHNN đã hút -2.578 tỷ đồng. Như vậy, diễn biến bơm – hút tiền của NHNN đang cho thấy sự điều hành linh hoạt theo diễn biến thị trường.

Chỉ báo xu hướng ngắn hạn

Chỉ báo xu hướng MA10 theo ngành		
Ngân hàng ↓	Bất động sản ↓	Chứng khoán ↓
Thép ↓	Phân bón ↓	Công nghệ ↓
Dầu khí ↓	Khu CN ↓	Thủy sản ↓
Bảo hiểm ↓	Xây dựng ↓	Cảng biển ↓
Mía đường	Bán lẻ ↓	Dệt may ↓

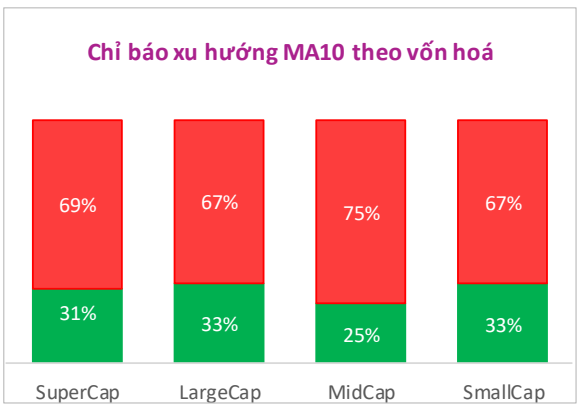

TOÀN CẢNH THỊ TRƯỜNG

Nhóm dẫn dắt thị trường

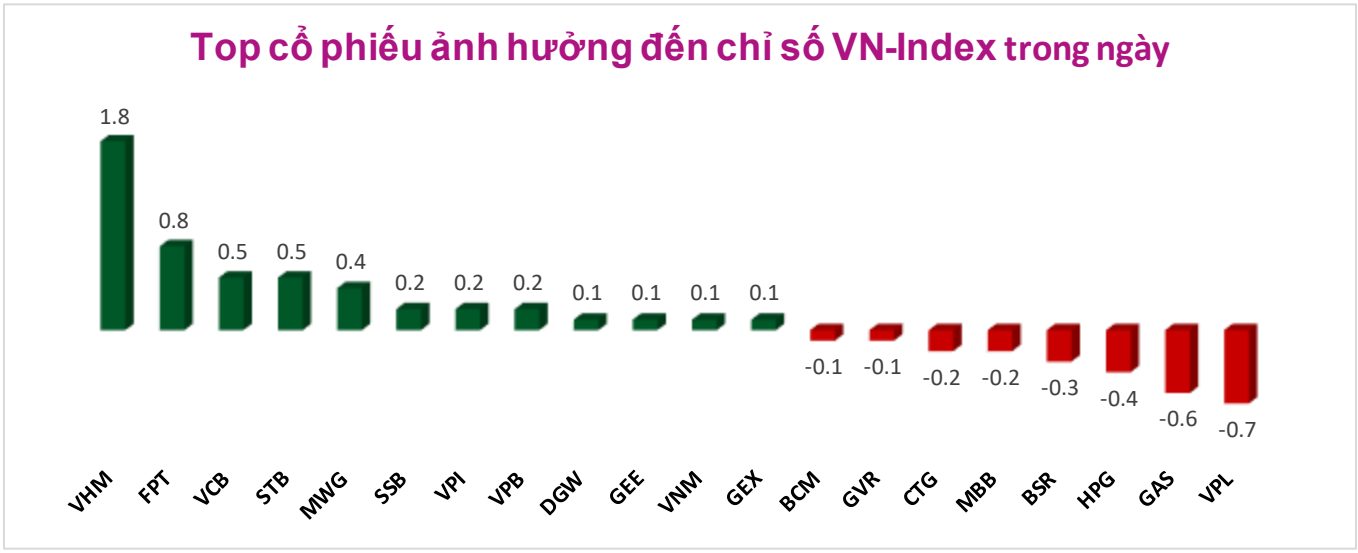

Giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài

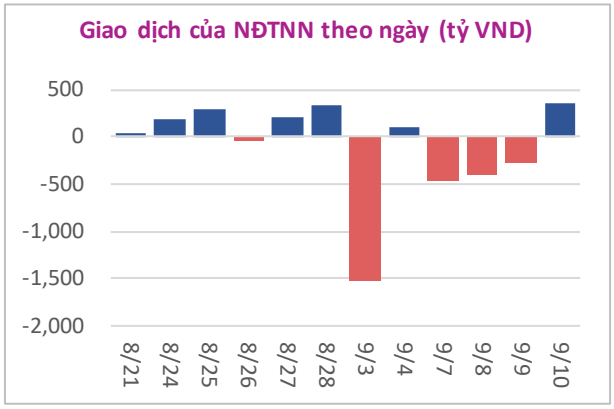

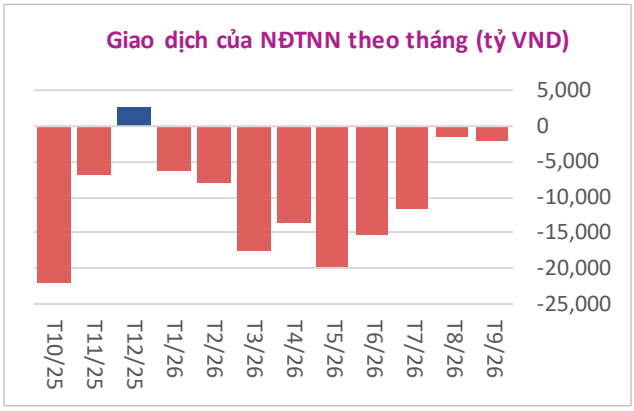

Thị trường phái sinh VN30

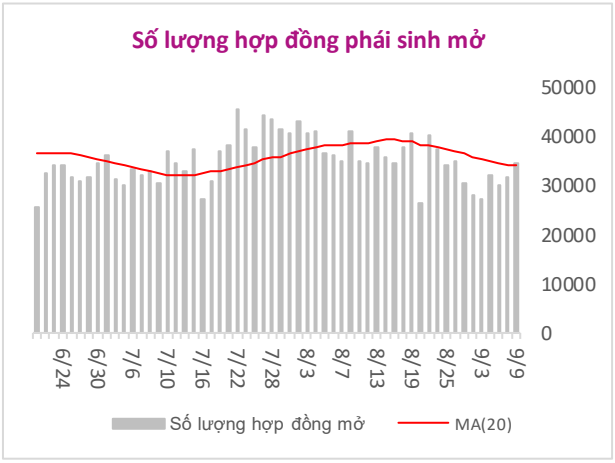

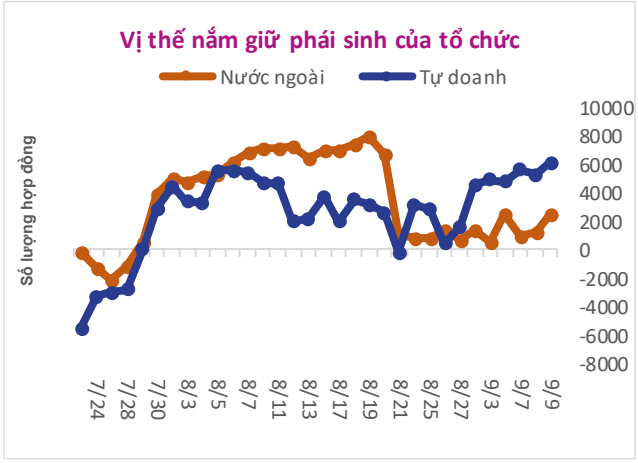

Ghi chú: số âm = hợp đồng short phái sinh

TOÀN CẢNH THỊ TRƯỜNG

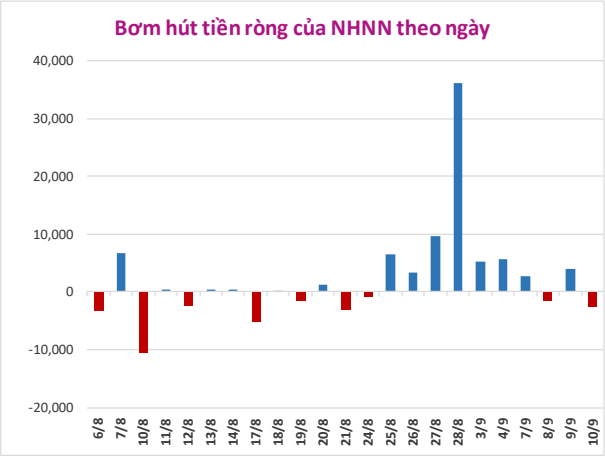

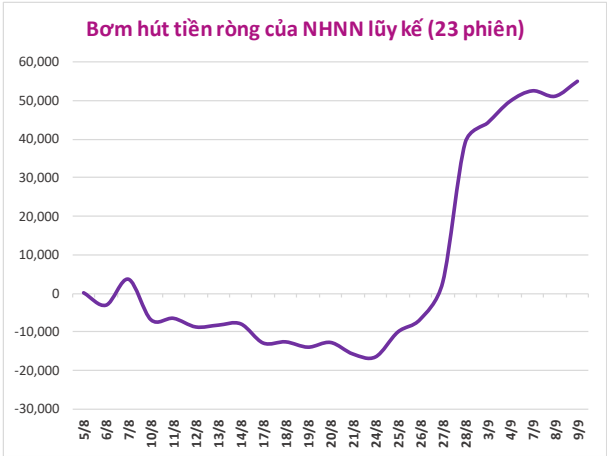

Các mã cổ phiếu ảnh hưởng đến Vnlndex 5 ngày gần nhất

VPL (+9.2)	DGW (+4.8)	STB (+4.4)	VIC (+4.0)	FPT (+2.9)
DGC (+2.6)	VGC (+2.0)	PVT (+1.6)	IMP (-1.6)	FTS (-1.6)
BSI (-1.6)	VTP (-1.7)	PNJ (-2.0)	BCM (-2.1)	SJS (-2.2)
CTR (-2.4)	BMP (-2.4)	GMD (-3.0)	CTD (-3.2)	FRT (-3.6)

Tỷ lệ cổ phiếu nằm trên đường MA20 và MA50

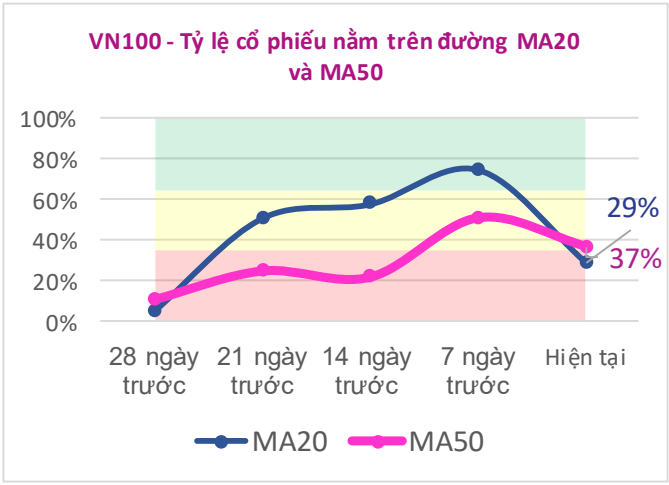

Tăng trưởng tín dụng và tỷ giá

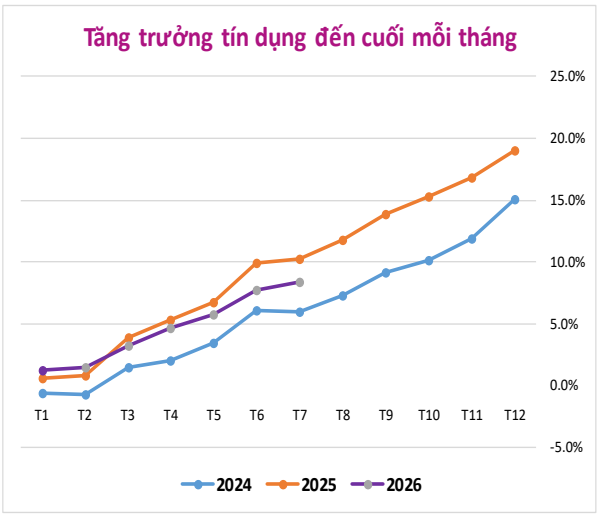

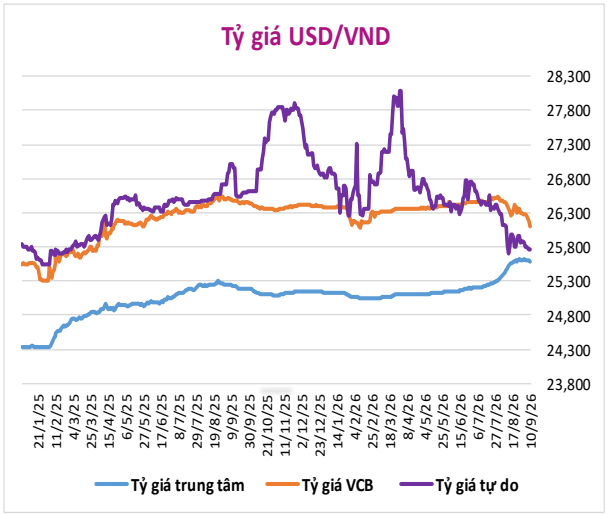

Chỉ tiêu vĩ mô Việt Nam

Chỉ tiêu	06/2026	07/2026	08/2026	Nhận xét
Chỉ số PMI	**51.8**	**52.9**	**53.3**	PMI duy trì tích cực trên 50 điểm, tháng 8 đạt mức cao nhất của sáu tháng gần nhất
Sản xuất công nghiệp (YoY)	**12.7%**	**14.5%**	**14.4%**	Duy trì tăng trưởng tích cực và ổn định trong nhiều tháng liên tiếp
Tổng mức bán lẻ hàng hoá (YoY)	**14.8%**	**14.5%**	**14.9%**	Duy trì tăng trưởng ổn định nhiều tháng liên tiếp; tháng 8 tiếp tục tăng trưởng trên 14%
Kim ngạch xuất khẩu (YoY)	**28.1%**	**25.5%**	**26.3%**	Tiếp tục duy trì tăng trưởng ở mức cao
Kim ngạch nhập khẩu (YoY)	**45.7%**	**41.7%**	**38.4%**	Duy trì tăng trưởng cao, nhưng nhập siêu tháng thứ chín liên tiếp
Tỷ lệ lạm phát (YoY)	**4.69%**	**4.45%**	**4.89%**	Lạm phát tháng 8 vượt mốc báo động 4,5%, tiếp tục neo ở mức cao.
Tỷ giá VCB USD/VND (MoM)	**0.3%**	**0.1%**	**-0.83%**	Tỷ giá VCB và giá USD tự do giảm, trong khi tỷ giá trung tâm lại tăng

Tăng trưởng xuất khẩu một số ngành hàng

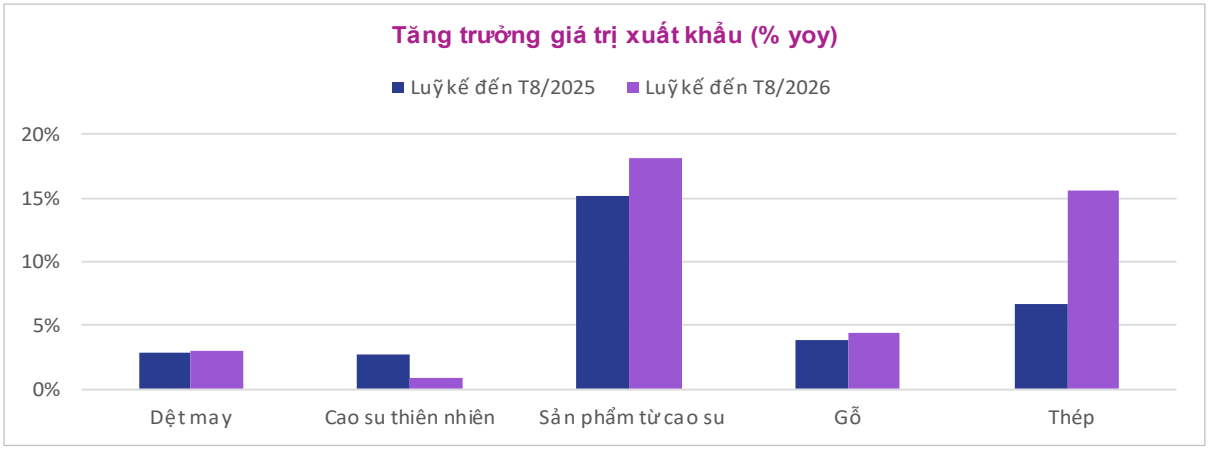

Diễn biến giá một số loại hàng hoá

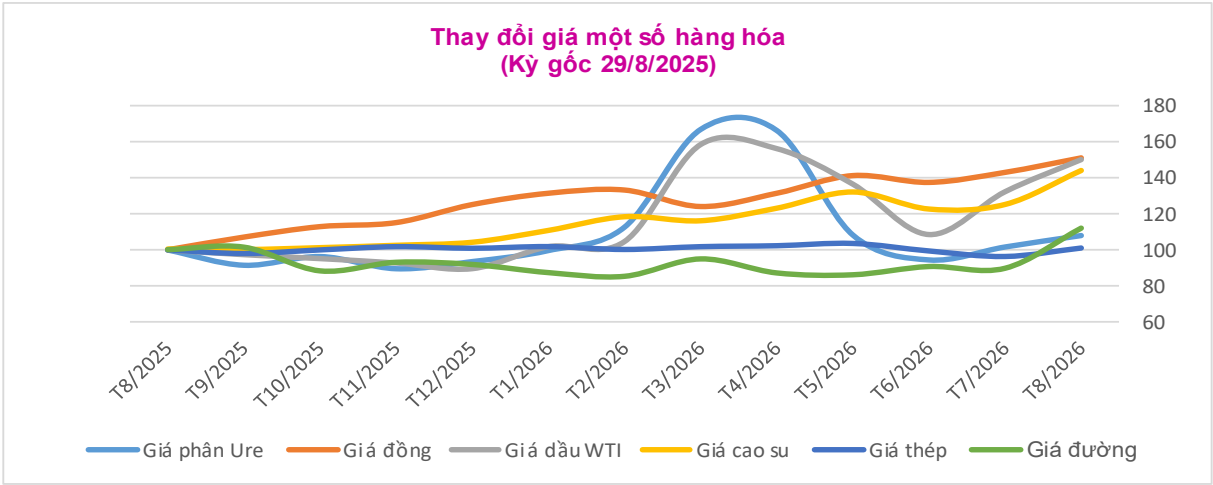

ĐIỂM TIN

TIN NỔI BẬT

Fed sẽ tăng lãi suất vào cuộc họp tuần sau? : UBS Wealth Management vừa nâng dự báo Fed sẽ tăng lãi suất 0,25 điểm phần trăm vào tuần sau và thêm một lần vào tháng 12/2026. Thay đổi này diễn ra khi nền kinh tế Mỹ thể hiện sức chống chịu tốt, thị trường lao động vững mạnh và áp lực lạm phát kéo dài do giá dầu tăng cao cùng tác động của thuế quan. Dữ liệu từ FedWatch chỉ ra xác suất tăng lãi suất tháng 9 vượt 60%. Dù vậy, quyết định chính thức vẫn phụ thuộc vào báo cáo PPI và CPI tháng 8. Dù chính sách tiền tệ thắt chặt hơn, UBS vẫn lạc quan về chứng khoán nhờ làn sóng AI và lợi nhuận doanh nghiệp tích cực, đồng thời khuyến nghị nhà đầu tư tận dụng các nhịp biến động để tái cơ cấu danh mục dài hạn. *(Nguồn: cafef.vn)*

TIN QUỐC TẾ

Nguồn thu từ dầu mỏ cạn dần, kinh tế Iran chìm sâu hơn vào khủng hoảng: Lệnh phong tỏa hàng hải từ phía Mỹ cùng lượng dự trữ trên biển sụt giảm nhanh chóng đang bóp nghẹt nguồn thu ngoại tệ quan trọng của Iran. Kpler cho biết lượng dầu ngoài khơi để giao cho khách hàng dự kiến sẽ cạn vào tháng 10 và dòng tiền cạn kiệt vào cuối năm. Do mắc kẹt tại Vịnh Ba Tư, Tehran phải hạ sản lượng khai thác xuống gần mức tiêu thụ nội địa, đồng thời nguồn thu từ hóa dầu cũng giảm mạnh. Khủng hoảng tài chính khiến đồng rial mất giá nghiêm trọng, lạm phát vượt mốc 80% và IMF dự báo kinh tế nước này giảm 5,4%. Dù vậy, giới phân tích nhận định sức ép kinh tế khắc nghiệt này khó lòng buộc chính quyền Tehran nhượng bộ trong các cuộc đàm phán. *(Nguồn: vneconomy.vn)*

Bộ Tài chính Mỹ tăng quy mô mua lại trái phiếu, lợi suất chịu ảnh hưởng thế nào ?: Bộ trưởng Bộ Tài chính Mỹ Scott Bessent vừa thông báo nâng quy mô mua lại trái phiếu kho bạc dài hạn lên 6 tỷ USD mỗi đợt, gấp ba lần mức thông thường nhằm hạ nhiệt chi phí vay trước kỳ bầu cử tháng 11. Tuy nhiên, động thái này chưa đủ trấn an thị trường khi con số 6 tỷ USD thấp hơn mức 10 tỷ USD kỳ vọng của Phố Wall. Áp lực từ giá dầu vượt 100 USD/thùng, thâm hụt ngân sách kỷ lục cùng nguy cơ Fed tăng lãi suất khiến trái phiếu tiếp tục bị bán tháo, đẩy lợi suất kỳ hạn 10 năm lên mốc 4,85%. Giới phân tích nhận định việc mua lại khó đảo ngược các yếu tố cơ bản chi phối lợi suất dài hạn. *(Nguồn: vietnambiz.vn)*

TIN THỊ TRƯỜNG

Thị trường chứng khoán Mỹ ghi nhận một phiên giao dịch kém sắc khi cả ba chỉ số chính đều đồng loạt chìm trong sắc đỏ trước áp lực điều chỉnh diện rộng. Đáng chú ý, chỉ số Dow Jones ghi nhận mức sụt giảm mạnh nhất về điểm số khi bốc hơi 405,41 điểm, tương đương 0,77%, lùi sâu về mốc 52.380,66 điểm do lực bán gia tăng ở nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn. Cùng chiều xu hướng, chỉ số Nasdaq chuyên về nhóm công nghệ đánh mất 168,07 điểm, tương ứng giảm 0,64%, đóng cửa tại mức 26.253,34 điểm dưới tâm lý thận trọng của giới đầu tư. Trong khi đó, chỉ số S&P 500 cũng chịu tác động tiêu cực khi giảm 37,16 điểm, tương ứng 0,48%, chốt phiên tại 7.636,36. *(Nguồn: VIX tổng hợp)*

Thị trường dầu mỏ thế giới ghi nhận đà tăng trưởng mạnh mẽ khi giá dầu Brent chính thức vượt mốc 101 USD/thùng và dầu WTI duy trì giao dịch quanh ngưỡng 97 USD/thùng. Sức bật của giá năng lượng được thúc đẩy chủ yếu bởi những lo ngại gia tăng về căng thẳng địa chính trị và rủi ro gián đoạn nguồn cung tại khu vực Trung Đông, đặc biệt là quanh eo biển Hormuz. Bên cạnh đó, chính sách kiểm soát sản lượng chặt chẽ từ liên minh OPEC+ tiếp tục thắt chặt cán cân cung cầu toàn cầu. Mặc dù triển vọng kinh tế và áp lực lạm phát vẫn là biến số khó lường đối với nhu cầu tiêu thụ, dòng tiền đầu cơ vẫn giúp sắc xanh chiếm ưu thế. *(Nguồn: VIX tổng hợp)*

Thị trường vàng thế giới tiếp tục trải qua những phiên giao dịch giằng co quanh vùng 4.400 USD/ounce sau khi chịu áp lực điều chỉnh từ các đợt chốt lời lớn. Kim loại quý đang chịu sức ép trước sức mạnh của đồng USD và lợi suất trái phiếu kho bạc duy trì ở mức cao khi thị trường thận trọng chờ đợi các dữ liệu kinh tế quan trọng. Dù vậy, đà giảm của vàng được kìm hãm nhờ vai trò kênh trú ẩn an toàn trong bối cảnh bất ổn địa chính trị kéo dài. Cùng lúc đó, lực mua tích trữ từ các ngân hàng trung ương và nhu cầu vật chất tại châu Á tạo nền đỡ giá vững chắc, giúp thị trường duy trì trạng thái cân bằng tương đối. *(Nguồn: VIX tổng hợp)*

CHỈ SỐ	ĐIỂM	+/-	+/-(%)
Dow Jones	52380.66	-405.41	-0.77
S&P 500	7636.36	-37.16	-0.48
Nasdaq	26253.34	-168.07	-0.64
FTSE100	10670.06	-141.60	-1.31
Euro Stoxx 50	6311.75	-101.42	-1.58
DAX	25576.45	-431.18	-1.66
Nikkei 225	64599.50	-669.83	-1.03
Shanghai	3951.51	10.96	0.28
KOSPI	7051.64	97.12	1.40

TIN TRONG NƯỚC

Tỷ giá USD/VND giảm tháng thứ 4 liên tiếp: Tỷ giá USD/VND liên ngân hàng cuối tháng 8 tiếp tục giảm về 26.083 VND/USD, đánh dấu tháng hạ nhiệt thứ tư liên tiếp nhờ đà suy yếu của đồng USD và thâm hụt thương mại giảm mạnh 97%. Tỷ giá tự do cũng lùi về mức 25.875 VND/USD do chênh lệch giá vàng trong nước và thế giới thu hẹp đáng kể. Dù áp lực vẫn còn hiện hữu từ biến động giá dầu thô, chính sách thuế quan cùng khả năng Fed tăng lãi suất, đồng VND vẫn được hỗ trợ bởi mặt bằng lãi suất cao, dòng vốn FDI tích cực và hoạt động xuất khẩu bước vào mùa cao điểm cuối năm. MBS dự báo tỷ giá cuối năm 2026 sẽ dao động quanh 26.800 - 27.000 VND/USD. *(Nguồn: vietnambiz.vn)*

Tín dụng trung và dài hạn tiếp tục tăng mạnh: Trong nửa đầu năm 2026, tín dụng trung và dài hạn tiếp tục tăng vượt trội so với ngắn hạn trong quý thứ 5 liên tiếp, đạt mức tăng 11,1% (so với 6,9% của ngắn hạn) và chiếm 47,3% tổng dư nợ toàn ngành. Sự dịch chuyển này giúp các ngân hàng hạn chế đà suy giảm tỷ lệ NIM trong bối cảnh chi phí huy động vốn tăng. Xu hướng trên được dự báo sẽ tiếp tục bùng nổ khi Ngân hàng Nhà nước triển khai đồng thời nhiều chính sách hỗ trợ: nâng tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn lên 40%, nới giới hạn cấp tín dụng cho các dự án lớn tại Thủ đô và tăng cường cơ chế tái cấp vốn. *(Nguồn: vietnamfinance.vn)*

TOÀN CẢNH THỊ TRƯỜNG

Danh mục theo dõi trung hạn

STT	Mã	Ngành	Chỉ số cơ bản						Chỉ số định giá				Giá thị trường (10/9/26)
			% LNST Q1/26 (YoY)	% LNST Q2/26 (YoY)	Biên lợi nhuận ròng Q1/26	Biên lợi nhuận ròng Q2/26	ROE Chỉ số (TTM) Năm: 2025 (TTM)	ROA Chỉ số (TTM) Năm: 2026 (TTM)	Book Value	EPS	P/B	P/E	
1	ACB	Ngân hàng	10.6%	-38.7%	51.1%	33.9%	17.6%	1.7%	18,401	3,042	1.22	7.4	22,400
2	ANV	Thủy sản	915.5%	4610.8%	14.2%	11.9%	31.6%	18.7%	13,226	3,748	1.22	4.3	16,200
3	BFC	Phân bón	14.0%	-29.9%	3.6%	2.8%	19.3%	8.6%	29,657	7,003	1.59	6.7	47,200
4	BID	Ngân hàng	16.7%	45.3%	28.8%	38.2%	18.8%	1.0%	24,726	4,342	1.47	8.4	36,350
5	BMP	VLXD	21.0%	13.2%	22.9%	20.3%	44.0%	37.4%	35,151	15,010	4.04	9.5	142,000
6	BSR	Dầu khí	175.1%	3739.7%	2.6%	8.1%	8.9%	6.0%	12,079	1,036	2.24	26.1	27,100
7	CTD	Xây dựng	217.2%	117.8%	4.0%	2.3%	8.6%	2.5%	90,563	7,540	0.65	7.8	59,000
8	CTG	Ngân hàng	63.9%	12.3%	37.8%	47.4%	21.1%	1.3%	23,129	4,488	1.32	6.8	30,550
9	CTR	Xây dựng	15.5%	8.8%	4.3%	4.1%	30.5%	7.8%	18,086	5,242	4.07	14.0	73,600
10	DCM	Phân bón	171.9%	16.6%	11.0%	10.3%	18.7%	11.7%	20,390	3,706	1.59	8.8	32,500
11	DGW	Bán lẻ	39.2%	10.3%	2.3%	2.0%	16.9%	5.5%	15,690	2,508	2.85	17.8	44,750
12	DHA	Khai thác đá	111.3%	146.3%	32.8%	18.4%	24.0%	21.7%	32,319	7,258	1.61	7.2	52,000
13	FOX	Viễn thông	26.2%	22.8%	18.4%	17.3%	31.2%	13.7%	15,202	4,719	4.10	13.2	62,300
14	FPT	Phần mềm	17.1%	19.5%	16.9%	14.8%	23.6%	11.7%	25,683	6,590	2.90	11.3	74,500
15	GAS	Dầu khí	1.3%	-32.4%	7.3%	3.2%	17.7%	13.0%	28,038	4,796	3.02	17.6	84,600
16	GEG	Điện	267.5%	676.3%	11.9%	16.3%	11.5%	4.6%	15,665	2,282	0.80	5.5	12,500
17	GMD	Dịch vụ	-3.6%	76.4%	27.7%	40.9%	11.7%	8.9%	34,842	5,162	2.16	14.57	75,200
18	HAG	Nông nghiệp	23.1%	345.5%	22.8%	50.7%	18.1%	8.6%	11,191	1,762	1.25	7.92	13,950
19	HDG	Bất động sản	85.0%	482.5%	47.2%	42.2%	9.0%	4.9%	22,644	2,570	0.71	6.28	16,150
20	HHV	Xây dựng	23.3%	58.1%	16.7%	16.7%	5.1%	1.5%	24,481	1,364	0.40	7.20	9,820
21	HPG	Thép	32.8%	38.4%	11.0%	8.4%	12.6%	6.4%	17,096	2,021	1.28	10.81	21,850
22	HT1	Xi măng	278.5%	413.6%	4.6%	4.3%	5.5%	3.5%	13,336	718	0.90	16.79	12,050
23	KBC	Bất động sản	54.8%	2477.5%	23.2%	40.3%	9.1%	3.8%	28,399	2,365	0.95	11.42	27,000
24	KDH	Bất động sản	692.5%	101.7%	47.9%	43.7%	5.2%	3.2%	18,865	1,456	0.90	11.68	17,000
25	LCG	Xây dựng	9.6%	130.2%	7.1%	4.7%	5.7%	2.2%	13,112	723	0.54	9.74	7,040
26	MCH	Thực phẩm	-18.9%	-11.1%	22.6%	22.7%	44.5%	21.6%	17,480	6,336	8.12	22.41	142,000
27	MML	Thực Phẩm	419.5%	79.6%	4.3%	6.3%	11.6%	5.0%	15,282	1,819	1.75	14.74	26,800
28	MSH	Hàng May mặc	54.2%	17.4%	12.2%	14.6%	28.7%	13.3%	19,626	5,962	1.56	5.12	30,550
29	MSN	Thực phẩm	43.4%	48.4%	8.8%	9.9%	9.6%	3.0%	29,647	4,448	2.32	15.44	68,700
30	MSR	Khai khoáng	101.5%	207.9%	0.3%	9.3%	0.1%	0.0%	11,076	10	4.30	4635.80	47,600
31	MWG	Bán lẻ	121.4%	144.9%	4.5%	4.9%	23.0%	9.1%	22,575	4,814	3.23	15.14	72,900
32	NAF	Nước trái cây	55.8%	26.3%	7.0%	7.6%	16.5%	6.7%	11,491	2,140	4.18	22.43	48,000
33	NLG	Bất động sản	679.5%	-62.1%	12.5%	29.6%	4.8%	2.5%	30,559	1,951	0.81	12.71	24,800
34	NT2	Điện	383.5%	641.4%	11.1%	21.9%	25.0%	12.6%	16,880	3,926	1.23	5.30	20,800
35	NTP	VLXD	49.9%	-6.3%	16.0%	10.8%	25.1%	14.8%	24,742	5,805	2.23	9.49	55,100
36	PLX	Dầu khí	441.0%	14.2%	0.8%	0.9%	9.2%	3.2%	22,781	2,305	1.56	15.40	35,500
37	POW	Điện	109.2%	585.3%	12.1%	7.9%	6.5%	2.8%	13,307	1,019	0.97	12.61	12,850
38	PVS	Dầu khí	73.3%	73.5%	3.5%	9.9%	11.8%	5.0%	31,694	3,722	1.22	10.40	38,700
39	QNS	Đường	-28.4%	-2.8%	14.2%	22.4%	18.6%	13.6%	28,956	5,231	1.69	9.37	49,000
40	SBT	Đường	-13.0%	-19.2%	3.7%	2.8%	6.7%	2.2%	13,938	866	1.65	26.62	23,050
41	SHB	Ngân hàng	49.8%	8.3%	40.7%	39.0%	19.1%	1.5%	14,800	2,605	0.79	4.51	11,750
42	SIP	Bất động sản	21.7%	6.3%	17.1%	17.4%	25.3%	5.0%	24,181	6,303	2.03	7.77	49,000
43	STB	Ngân hàng	31.8%	-176.5%	33.0%	-35.8%	10.3%	0.7%	31,756	3,150	2.46	24.76	78,000
44	TCB	Ngân hàng	14.2%	104.1%	46.4%	47.2%	15.4%	2.3%	25,331	3,663	1.28	8.85	32,400
45	TCM	Hàng May mặc	-21.4%	-24.2%	7.1%	5.4%	11.4%	6.7%	21,823	2,419	0.77	6.94	16,800
46	TRC	Cao su	60.4%	-68.8%	49.0%	15.2%	13.1%	11.5%	69,312	8,669	1.20	9.59	83,100
47	VCB	Ngân hàng	5.3%	0.7%	50.0%	45.0%	16.6%	1.6%	27,231	4,213	2.17	14.01	59,000
48	VGT	Hàng May mặc	56.0%	57.7%	7.1%	8.4%	9.1%	4.4%	20,090	2,666	0.56	4.20	11,200
49	VHC	Thủy sản	33.5%	-43.4%	13.1%	9.0%	14.4%	10.6%	44,495	6,465	1.16	7.98	51,600
50	VJC	Hàng không	-43.9%	43618.4%	1.9%	1.7%	10.1%	1.8%	42,005	3,589	2.98	34.88	125,200
51	VNM	Sản phẩm từ sữa	4.5%	31.7%	14.8%	16.6%	26.6%	17.4%	16,499	4,504	3.73	13.68	61,600
52	VPB	Ngân hàng	76.8%	61.1%	36.6%	36.2%	14.6%	2.2%	22,722	3,070	1.21	8.96	27,500
53	VTP	Vận tải	-20.2%	17.3%	1.7%	2.6%	24.1%	5.8%	14,519	3,348	3.50	15.17	50,800

Cập nhật giá hàng hoá

Chỉ số	Giá	+/- 15 ngày	+/- 30 ngày	+/- Đỉnh 1 tháng	+/- Đáy 1 tháng
BTC	78161.02(-594)	+13,837	+15,038	-2,819	+15,347
Giá dầu WTI	96.05(+3)	+12	+14	0	+21
Giá gas châu Âu	78.88(+1)	+17	+22	0	+25
Giá vàng	4398.15(+42)	-18	+325	-260	+370
Giá đồng	6.8(+0)	+0	+0	0	+1
Giá đường	18.35(+0)	+1	+4	-0	+4
Giá phân Ure	446.25(0)	+63	+16	0	+63
Giá thép	3100(-23)	+91	+39	-31	+147
Giá quặng sắt (62%Fe)	99.37(-1)	+4	+1	-1	+6
Giá than	147.35(-0)	+18	+17	-1	+20
Giá đậu tương	1295.25(-7)	+94	+87	-11	+148
Giá ngô	507.75(-3)	+43	+56	-11	+71
Giá nhựa Polyvinyl	5079(+43)	+491	+530	0	+632
Giá cước vận tải khô BDI	3620(+36)	+742	+924	-8	+988
Giá cước vận tải container (Drewry)	4465(0)	+126	+91	-61	+210
DXY	98.8(+0)	-1	-3	-3	+0
Giá cao su	249(+7)	+29	+32	0	+38
Phốt pho vàng	27962.67(-33)	+34	+1,133	-504	+1,133
Ure(Sunsir)	1822.5(0)	+120	+55	0	+120
H2SO4	1820(0)	-15	-273	-273	+20
HRC(Sunsir)	3394(0)	+108	+80	0	+174
Iron Ore (Sunsir)	723.67(-3)	+22	+15	-3	+44
Cao su thiên nhiên (Sunsir)	18866.67(+125)	+1,733	+2,100	0	+2,475
PVC(Sunsir)	4947(-18)	+472	+517	-18	+572
Rebar	3163.34(+4)	+85	+90	-2	+161
Cautic soda	637(0)	-2	-6	-6	0

TOÀN CẢNH THỊ TRƯỜNG

Tín hiệu kỹ thuật đáng chú ý

Mã	Thời gian	Mẫu nến	Giá cổ phiếu
CTD	10/09/2026 03:00:00 PM	Break Down	59
DGW	10/09/2026 03:00:00 PM	Bullish Engulfing	44.75
FPT	10/09/2026 03:00:00 PM	Break Out	74.5

Khuyến cáo sử dụng

Báo cáo phân tích được lập và phát hành bởi Công ty cổ phần Chứng khoán VIX ("VIX"). Báo cáo này không nhằm phát hành rộng rãi ra công chúng và chỉ mang tính chất cung cấp thông tin cho một số đối tượng nhất định, cũng như không được phép sao chép hoặc phân phối lại cho bất kỳ bên thứ ba nào khác. Tất cả những cá nhân, tổ chức nắm giữ báo cáo này đều phải tuân thủ những điều trên.

Báo cáo này không phải là một lời kêu gọi, đề nghị, mời chào mua hoặc bán bất kỳ mã chứng khoán nào. Các thông tin trong báo cáo nghiên cứu được chuẩn bị từ các thông tin công bố công khai, dữ liệu phát triển nội bộ và các nguồn khác được cho là đáng tin cậy, nhưng chưa được kiểm chứng độc lập bởi VIX và VIX sẽ không đại diện hoặc đảm bảo đối với tính chính xác, đúng đắn và đầy đủ của những thông tin này.

Toàn bộ những đánh giá, quan điểm và khuyến nghị đưa ra trong báo cáo có thể được thay đổi mà không báo trước. VIX không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi hoặc bổ sung bản báo cáo cũng như không có nghĩa vụ thông báo cho tổ chức, cá nhân nhận được bản báo cáo này trong trường hợp các đánh giá, quan điểm hay khuyến nghị được đưa ra có sự thay đổi hoặc trở nên không còn chính xác.

Các mã chứng khoán trong bản báo cáo có thể không phù hợp với tất cả các nhà đầu tư, và nội dung của bản báo cáo không đề cập đến các nhu cầu đầu tư, mục tiêu và điều kiện tài chính của bất kỳ nhà đầu tư cụ thể nào. Trước khi thực hiện đầu tư bất kỳ mã chứng khoán nào nêu trong báo cáo này, nhà đầu tư nên liên hệ với những chuyên gia tư vấn đầu tư của họ để thảo luận về trường hợp cụ thể của mình.